

CÔNG KHAI
CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024-2025 VÀ DỰ KIẾN MỨC THU 2 NĂM TIẾP THEO
NĂM HỌC 2025-2026; NĂM HỌC 2026-2027

STT	CÁC KHOẢN THU	MỨC THU NĂM HỌC 2024-2025	DỰ KIẾN MỨC THU	
			NĂM HỌC 2025-2026	NĂM HỌC 2026-2027
I.	THU THEO QUY ĐỊNH:			
	- HỌC SINH NHÀ TRẺ	160.000 đồng/học sinh/tháng	160.000 đồng/học sinh/tháng	160.000 đồng/học sinh/tháng
	- HỌC SINH MẪU GIÁO Trẻ em mầm non 05 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024-2025 (được hướng từ ngày 01/9/2024)	200.000 đồng/học sinh/tháng	200.000 đồng/học sinh/tháng	200.000 đồng/học sinh/tháng
II.	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG BÁN TRÚ			
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	330.000 đồng/học sinh/tháng	330.000 đồng/học sinh/tháng	330.000 đồng/học sinh/tháng
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	170.000 đồng/học sinh/tháng	170.000 đồng/học sinh/tháng	170.000 đồng/học sinh/tháng
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	79.000 đồng/học sinh/ngày	79.000 đồng/học sinh/ngày	79.000 đồng/học sinh/ngày
4	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố)	90.000 đồng/học sinh/tháng	90.000 đồng/học sinh/tháng	90.000 đồng/học sinh/tháng
III.	CÁC KHOẢN THU CHO CÁ NHÂN HỌC SINH			
1	Tiền học phẩm- học cụ- học liệu			
	1.1. Học phẩm	55.000 đồng/học sinh/năm	55.000 đồng/học sinh/năm	55.000 đồng/học sinh/năm
	1.2. Học cụ- học liệu	200.000 đồng/học sinh/năm	200.000 đồng/học sinh/năm	200.000 đồng/học sinh/năm

STT	CÁC KHOẢN THU	MỨC THU NĂM HỌC 2024-2025	DỰ KIẾN	
			MỨC THU	
			NĂM HỌC 2025-2026	NĂM HỌC 2026-2027
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	230.000 đồng/học sinh/năm	230.000 đồng/học sinh/năm	230.000 đồng/học sinh/năm
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000 đồng/học sinh/ngày	35.000 đồng/học sinh/ngày	35.000 đồng/học sinh/ngày
4	Tiền suất ăn sáng	11.500 đồng/học sinh/ngày	11.500 đồng/học sinh/ngày	11.500 đồng/học sinh/ngày
5	Tiền nước uống	15.000 đồng/học sinh/tháng	15.000 đồng/học sinh/tháng	15.000 đồng/học sinh/tháng
IV.	CÁC KHOẢN THU TỎ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC			
1	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	200.000 đồng/học sinh/tháng	200.000 đồng/học sinh/tháng	200.000 đồng/học sinh/tháng
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	100.000 đồng/học sinh/tháng	100.000 đồng/học sinh/tháng	100.000 đồng/học sinh/tháng
3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thẻ dực tự chọn, cầu lạc bộ, học bơi - Nhịp điệu - Vẽ - Võ	80.000 đồng/học sinh/tháng/môn	80.000 đồng/học sinh/tháng/môn	80.000 đồng/học sinh/tháng/môn
4	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000 đồng/học sinh/tháng	80.000 đồng/học sinh/tháng	80.000 đồng/học sinh/tháng

Người lập biểu

Đặng Trần Ngọc Vân



Đặng Cẩm Hương

Quận 8, ngày 10 tháng 10 năm 2024